

Số: /SNN-TL

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo
Quyết định quy định cụ thể phạm vi
vùng phụ cận và các trường hợp cấm
mắc chỉ giới phạm vi bảo vệ công
trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh
(Lần 2).

Kính gửi:

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính, Công thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Bắc Sông Thương và Nam sông Thương.

Thực hiện Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2021. Theo đó, giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng Dự thảo Quyết định quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mắc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh, sau khi xây dựng và hoàn thiện Dự thảo theo quy định (Lần 1). Sở Nông nghiệp và PTNT đã xin ý kiến tham gia của các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL trên địa bàn tỉnh tại Văn bản số 177/SNN-TL ngày 02/01/2021, đồng thời đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải Văn bản dự thảo trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh tại Văn bản số 180/SNN-TL ngày 02/02/2021 để xin ý kiến tham gia, góp ý của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, hoàn thiện theo quy định.

Để Dự thảo Quyết định quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mắc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh phù hợp với các quy định hiện hành, các điều kiện phát triển kinh tế và thực tiễn quản lý trên địa bàn trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị các cơ quan, đơn vị như kính gửi tham gia, góp ý vào Dự thảo Quyết định (Lần 2).

Ý kiến tham gia đóng góp của Quý cơ quan bằng văn bản và gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT **trước ngày 20/5/2021**, qua Chi cục Thủy lợi theo địa chỉ: Đường Lê Lợi, phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Email: qlcttl_ctl@bacgiang.gov.vn để tổng hợp và hoàn thiện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

(Kèm theo Dự thảo Quyết định quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mắc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh (Lần 2) và bảng tổng hợp tiếp thu và giải trình các ý kiến tham gia đóng góp của các cơ quan, đơn vị)

Đề nghị Quý cơ quan quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh | (báo cáo);
- GD Sở
- PGĐ Sở Nguyễn Văn Dĩnh;
- Chi cục thủy lợi.
- Lưu: VT

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Dĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO
(Lần 2)**

QUYẾT ĐỊNH
**QUY ĐỊNH CỤ THỂ PHẠM VI VÙNG PHỤ CẬN VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP
CẤM MỐC CHỈ GIỚI PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;
Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều
của Luật Thủy lợi;
Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số
/TTr-SNN ngày...../...../2021; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản
số/BC-STP ngày...../...../2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày/...../2021.

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, báo Bắc Giang;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê ô Pích

QUY ĐỊNH
CỤ THỂ PHẠM VI VÙNG PHỤ CẬN VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP
CẤM MỐC CHỈ GIỚI PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/2021/QĐ-UBND ngày
...../...../2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh ngoài quy định tại Điều 40 của Luật Thủy lợi năm 2017; các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh ngoài quy định tại Điều 19 Thông tư số [05/2018/TT-BNNPTNT](#) ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công trình thủy lợi khác*: Là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi ngoài các công trình đã được quy định tại Điều 40 Luật Thủy lợi.

2. *Vùng phụ cận* là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng tiếp giáp công trình thủy lợi, được quy định áp dụng đối với từng loại công trình nhằm bảo vệ an toàn công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

3. *Kênh chìm* là kênh có mặt cắt ngang kênh đào hoàn toàn trong nền đất tự nhiên.

4. *Kênh nổi* là kênh có mặt cắt ngang kênh đắp hoặc xây nổi trên nền đất tự nhiên hoặc nửa đào, nửa đắp.

5. *Lưu lượng kênh* là lưu lượng lớn nhất theo thiết kế mà công trình phải chuyển tải.

6. *Đập dâng* là đập hoặc tường chắn ngang dòng chảy để nâng cao mực nước thượng lưu và cho phép dòng chảy tràn qua đập.

7. *Công trình trên kênh* là những công trình công, đập, xi phông, cầu máng... được xây dựng trong lòng kênh, hai bên bờ kênh có nhiệm vụ dẫn nước, điều tiết nước hoặc kết hợp giao thông.

8. *Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, gồm*: Văn phòng, nhà điều hành, bến bãi, kho.

Chương II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác:

1. Đập và lòng hồ chứa nước: Vùng phụ cận thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật Thủy lợi

2. Đập dâng:

a) Phần thuộc lòng sông, suối: Phạm vi vùng phụ cận tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu. Đập cấp II tối thiểu là 50 m, đập cấp III tối thiểu là 30 m, đập cấp IV tối thiểu là 20 m. Cấp công trình đập dâng căn cứ theo quy định tại Phụ lục II, Bảng 2. Phân cấp công trình theo đặc tính kỹ thuật (*Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ*).

b) Phần trên cạn của hai vai đập dâng: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra, tối thiểu là 20 m.

3. Tràn xả lũ:

Vùng phụ cận của tràn xả lũ (bao gồm cả tràn tự do và tràn có cửa van điều tiết): Phạm vi vùng phụ cận tính từ phần xây đúc ngoài cùng (đối với tràn kiên cố) và từ mép ngoài cùng của tràn (đối với tràn có kết cấu bằng đất) trở ra mỗi bên tối thiểu 50m đối với tràn có lưu lượng thiết kế lớn hơn $200\text{m}^3/\text{s}$, 30m đối với tràn có lưu lượng thiết kế từ $20\text{m}^3/\text{s}$ đến $200\text{m}^3/\text{s}$ và 10m đối với tràn có lưu lượng nhỏ hơn $20\text{m}^3/\text{s}$.

4. Trạm bơm:

a) Đối với trạm bơm có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ trở vào.

b) Đối với trạm bơm không có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận được tính là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng.

5. Kênh tưới, tiêu, cầu máng có lưu lượng nhỏ hơn $02\text{m}^3/\text{s}$.

a) Đối với kênh nổi, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài trở ra (hoặc từ mép ngoài thành cầu máng trở ra) như sau:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $0,5\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận từ 0,5m đến 01m đối với kênh đất, từ 0,3m đến 0,5m đối với kênh đã kiên cố, cầu máng;

- Kênh có lưu lượng từ $0,5\text{m}^3/\text{s}$ đến dưới $02\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận từ 01m đến 02m đối với kênh đất, từ 0,5m đến 01m đối với kênh đã kiên cố, cầu máng.

b) Đối với kênh chìm:

- Đối với kênh không có đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái trong của kênh đối với mặt đất tự nhiên trở ra như sau:

+ Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $0,5\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận từ 0,5m đến 01m đối với kênh đất, từ 0,3m đến 0,5m đối với kênh đã kiên cố;

+ Kênh có lưu lượng từ $0,5\text{m}^3/\text{s}$ đến dưới $02\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận từ 01m đến 02m đối với kênh đất, từ 0,5m đến 01m đối với kênh đã kiên cố;

- Đối với kênh chìm có đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài đường trở ra một khoảng như quy định đối với kênh không có đường quản lý.

6. Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo quy định trên còn phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông.

7. Khi kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo các quy định trên, hành lang bảo vệ an toàn tuân theo tiêu chuẩn của đường dây tải điện hiện hành.

8. Trường hợp trong một cụm công trình thủy lợi có công trình đất kết hợp với công trình xây đúc thì phạm vi bảo vệ công trình xác định theo thứ tự lần lượt: Công trình xây đúc kiên cố, công trình đất.

9. Trường hợp công trình thủy lợi nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên, nằm trong phạm vi bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa hoặc khu vực an ninh quốc phòng, thực hiện theo quy định pháp luật về bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ khu vực an ninh quốc phòng.

Điều 5. Yêu cầu về cấm mốc chỉ giới: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số [05/2018/TT-BNNPTNT](#) ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6. Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới: Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số [05/2018/TT-BNNPTNT](#) ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi:

1. Trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo Điều 24 Thông tư số [05/2018/TT-BNNPTNT](#) ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện theo Điều 21, Điều 22 Thông tư số [05/2018/TT-BNNPTNT](#) ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện Quy định này và các quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác có liên quan.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi lập phương án bảo vệ công trình, tổ chức triển khai cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc thực hiện và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Giao thông vận tải:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình; phối hợp với địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính:

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủy lợi.

5. Sở Công thương:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong việc xác định phạm vi vùng phụ cận có liên quan đến quy định về hành lang bảo vệ đường dây tải điện.

6. Các sở, ngành khác: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và quy định này trên địa bàn để các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và người dân được biết để thi hành.

2. Chỉ đạo, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cấm mốc chỉ giới trên thực địa.

3. Căn cứ vào quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

4. Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và quy định này để nhân dân biết, thực hiện.

2. Tham gia, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cấm mốc chỉ giới trên thực địa đối với các công trình nằm trên địa bàn.

3. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

4. Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý và bảo vệ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi được bàn giao; phối hợp thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

Điều 11. Trách nhiệm của các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL, các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi:

1. Lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 41 Luật Thủy lợi

2. Lập phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ; trực tiếp quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới và lưu trữ hồ sơ cắm mốc.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện nơi có công trình, rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

4. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi và báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý vi phạm; phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện quy định này trên địa bàn quản lý.

Điều 12. Điều khoản thi hành:

Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê ô Pích

BẢNG TỔNG HỢP

Các ý kiến và giải trình ý kiến tham gia đóng góp vào Dự thảo

“Quyết định quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh.”

STT	Đơn vị tham gia ý kiến/Số Văn bản tham gia ý kiến	Nội dung tham gia	Tiếp thu	Giải trình ý kiến	Ghi chú
1.	Sở Tài chính (Số 35/STC-HCSN ngày 22/02/2021)	1. Trong Quy định được ban hành kèm theo Quyết định đề nghị bổ sung thêm phần “Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí cấm mốc, bảo trì, khôi phục mốc được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi và nguồn hợp pháp khác 2. Tại khoản 4, mục III đề nghị sửa lại là: “Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi”	x	- Không tiếp thu vì: Việc sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước đã được quy định tại Điều 20 Luật Thủy lợi;	
2.	Sở Kế hoạch (Số 328/SKHĐT-KTN ngày 26/02/2021)	Nhất trí với bản Dự thảo.	x		
3.	Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 473/STNMT-VP ngày 04/02/2021)	Nhất trí với nội dung Dự thảo Quyết định.	x		
4.	Sở Công Thương (Số 154/SCT-QLNL ngày 26/02/2021)	Nhất trí với nội dung và bố cục của bản Dự thảo.	x		
5.	Công ty TNHH một thành viên KTCTTL	1. Về dự thảo Quyết định: Phần nơi nhận bổ sung thêm: Các công ty TNHH MTV KTCT		- Không tiếp thu vì: Nơi nhận đã đủ thành phần các cơ quan, đơn vị có liên quan (<i>tại điều 2 của</i>	

	Nam Sông Thương (Số 31/NST-GY ngày 04/02/2021)	thủy lợi trên địa bàn tỉnh; 2. Phần dự thảo Quy định: Tại Điều 3, Khoản 7: Viết là “ ... được xây dựng trong lòng kênh, hai bên bờ kênh có nhiệm vụ dẫn nước, điều tiết nước.” Đề nghị bổ sung viết là”... được xây dựng trong lòng kênh, hai bên bờ kênh có nhiệm vụ dẫn nước, điều tiết nước hoặc kết hợp giao thông...”	x	<i>Dự thảo Quyết định</i>);	
6.	Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Bắc Sông Thương (Số 51/BST-KH-KT ngày 23/02/2021)	Nhất trí với các nội dung nêu ra trong Dự thảo.	x		
7.	UBND huyện Lục Nam (Số 212/UBND-NN&PTNT ngày 05/02/2021)	Nhất trí với nội dung của Dự thảo Quyết định quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh.	x		
8.	UBND huyện Tân Yên (Số 241/UBND-NN ngày 19/02/2021)	Nhất trí với nội dung của Dự thảo “Quyết định quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh”.	x		
9.	UBND huyện Lục Ngạn (Số 92/UBND-NN ngày 23/02/2021)	1. Cơ bản nhất trí với nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, đối với công trình hồ có dung tích dưới 500.000 m ³ hoặc chiều cao đập dưới 10m, kênh có lưu lượng dưới 5 m ³ /s lại không quy định rõ. 2. Trên địa bàn huyện Lục Ngạn, số lượng hồ chứa có dung tích dưới 500.000 m ³ hoặc chiều cao đập dưới 10m, kênh có lưu lượng dưới 5 m ³ /s khá nhiều. Đề nghị UBND tỉnh có quy định cụ thể về mốc giới đối với các công trình thủy lợi nhỏ này.		- Không tiếp thu vì: Tại Điều 4 của Dự thảo Quy định vùng phụ công trình thủy lợi khác đã quy định chi tiết, cụ thể những nội dung này; - Không tiếp thu vì: Điều 19 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã quy định cụ thể: Đối với hồ chứa có dung tích dưới 500.000 m ³ và đập có chiều cao dưới 10 m không nằm trong trường hợp phải cấm mốc chỉ giới.	
10.	UBND huyện Việt Yên	Cơ bản nhất trí với nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, đề nghị các cơ quan soạn thảo nghiên	x		

	(Số 388/UBND-NN ngày 23/02/2021)	cứu các thể thức văn bản, căn cứ của văn bản như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi Luật số: 47/2019/QH14.			
11.	UBND huyện Yên Dũng (Số 269/UBND-NN Ngày 03/03/2021)	Nhất trí với nội dung của Dự thảo Quy định.	x		
12.	UBND huyện Lạng Giang (Số 282/UBND-NN ngày 26/02/2021)	Nhất trí với nội dung của Dự thảo Quy định.	x		
13.	UBND huyện Yên Thế (Số 217/UBND-NN ngày 04/03/2021)	Nhất trí với nội dung của Dự thảo Quyết định.	x		
14.	UBND huyện Hiệp Hòa (Số 16/NN&PTNT ngày 09/03/2021)	Nhất trí với nội dung của Dự thảo Quyết định.	x		

